

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/2005/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực

quản lý vật liệu nổ công nghiệp là hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp mà không phải là tội phạm, theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

1. Vi phạm các quy định về giấy phép kinh doanh, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

2. Vi phạm các quy định về nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

3. Vi phạm các quy định về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

4. Vi phạm các quy định về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

5. Vi phạm các quy định về kinh doanh

và cung ứng, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.

6. Vi phạm các quy định về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

7. Vi phạm các quy định về điều kiện của người có liên quan tới các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

8. Vi phạm các quy định về vành đai an toàn khu vực có hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

9. Vi phạm các quy định về công tác bảo vệ khu vực có hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

10. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp nếu có liên quan đến lĩnh vực khác sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt hành chính của Chính phủ trong lĩnh vực đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Chương II Nghị định này trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Vật liệu nổ công nghiệp” bao gồm thuốc nổ và các phụ kiện nổ (kíp, dây, đạn chuyên dùng...) dùng trong sản xuất, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các mục đích dân dụng khác.

2. “Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” là quá trình chế tạo ra thuốc nổ, phụ kiện nổ.

3. “Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp” là quá trình đưa vật liệu nổ công nghiệp ra dùng trong thực tế nhằm đạt được mục đích nhất định trong các hoạt động kinh tế (khai thác mỏ, xây dựng, điều tra cơ bản, đào tạo, nghiên cứu khoa học...) theo một quy trình công nghệ đã được xác định.

4. “Kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp” là quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

5. “Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp” là quá trình cất giữ vật liệu nổ công nghiệp tại kho hoặc trong quá trình vận chuyển.

6. “Nghiên cứu chế thử vật liệu nổ công nghiệp” là quá trình chế tạo ra sản

phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới. Nghiên cứu chế thử có thể bao gồm toàn bộ quá trình tạo ra sản phẩm hoặc chỉ một trong những bước của quá trình để xác định thành phần, quy trình công nghệ, dây chuyền thiết bị...

7. “Dịch vụ nổ mìn” là việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp nhằm thực hiện hợp đồng nổ mìn giữa bên có chức năng làm dịch vụ nổ mìn với bên có nhu cầu nổ mìn để thực hiện một mục đích nhất định.

8. “Thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp” là quá trình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại hiện trường thử nổ hợp lệ nhằm xác định tính năng kỹ thuật, chất lượng và điều kiện sử dụng của vật liệu nổ công nghiệp.

9. “Hoạt động vật liệu nổ công nghiệp” là việc thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động nghiên cứu chế thử, thử nghiệm, sản xuất, bảo quản, vận chuyển, cung ứng, dịch vụ nổ mìn và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Tất cả các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật

liệu nổ công nghiệp gây ra phải được khắc phục theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp phải do người có thẩm quyền quy định tại Chương III của Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp khi có hành vi vi phạm các quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì phải được cộng lại thành mức phạt chung. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử phạt thích hợp. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được áp dụng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi

phạm hành chính và Điều 6 của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp là một năm kể từ ngày vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp được thực hiện; nếu quá thời hạn trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp được quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này để khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp gây ra.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án của cơ quan có thẩm quyền mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi

phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp thì bị xử phạt hành chính. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Thời hiệu được quy định theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không thực hiện hành vi vi phạm thì được coi là chưa bị

xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó.

2. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính được tính theo năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 7. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Hình thức xử phạt chính, bao gồm:

a) Cảnh cáo: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản;

b) Phạt tiền: Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để quyết định mức phạt tiền trong khung phạt tiền đã được quy định tại Nghị định này đối với từng hành vi vi phạm. Mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp là mức trung bình của khung phạt tiền đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt có thể giảm thấp hơn nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt có thể tăng cao hơn nhưng không được tăng quá mức tối đa của khung phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung, bao gồm:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính và xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Buộc di chuyển vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định.

*Chương II***CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VẬT
LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, HÌNH
THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT**

Điều 8. Vi phạm quy định về giấy phép kinh doanh, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Không khai báo việc mất giấy phép trong thời hạn ba ngày làm việc hoặc không lưu giữ giấy phép, bản sao giấy phép hợp lệ tại trụ sở điều hành;

b) Không đăng ký, thông báo theo quy định khi tiến hành hoặc chấm dứt các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Không báo cáo theo quy định hoặc báo cáo sai lệch về tình hình hoạt động có liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng giấy phép kinh doanh, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã hết hạn hoặc phải cấp đổi lại theo quy định nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày giấy phép hết hạn để kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi cho mượn, cho thuê, đi mượn, đi thuê giấy phép kinh doanh, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; ủy quyền và nhận ủy quyền thực hiện các hoạt động về vật liệu nổ công nghiệp quy định trong giấy phép kinh doanh, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi đối tượng ủy quyền hoặc nhận ủy quyền chưa được cấp phép.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi tẩy xóa, sửa chữa các nội dung quy định trong giấy phép kinh doanh, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi lợi dụng giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp.

6. Hình thức xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đến 6 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3; 1 năm đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này. Tước quyền sử dụng không thời hạn giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng các loại thiết bị sản xuất vật liệu nổ công nghiệp chưa được nghiệm thu, cho phép đưa vào sử dụng theo quy định;

b) Sửa chữa làm thay đổi thiết bị sản xuất vật liệu nổ công nghiệp sai với thiết kế của nhà chế tạo khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thay đổi quy trình sản xuất, mặt bằng bố trí thiết bị công nghệ hoặc thay đổi các thông số công nghệ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

d) Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp vượt quá 5% công suất định mức của thiết bị, dây chuyền công nghệ đã được phê duyệt cho phép;

đ) Để nguyên liệu hoặc sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp tồn đọng quá mức quy định tại khu vực sản xuất;

e) Đóng gói vật liệu nổ công nghiệp sai quy cách đăng ký;

g) Hệ thống sổ sách, biểu mẫu sử dụng cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp không có hoặc không đúng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Nghiên cứu, chế thử vật liệu nổ công nghiệp không theo đúng nội dung, điều kiện quy định trong đề án nghiên cứu đã được phê duyệt;

b) Đưa cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp vào hoạt động khi chưa tổ chức nghiệm thu và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện cho phép sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tổ chức sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khi chưa khắc phục, bổ sung các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điều kiện cho phép sản xuất;

d) Thay đổi thiết kế về công nghệ, thiết bị, mặt bằng hoặc nhà xưởng sản xuất trong quá trình đầu tư xây dựng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho phép;

đ) Không có hoặc để hư hỏng nội quy, quy trình sản xuất, quy trình vận hành thiết bị tại các vị trí sản xuất theo quy định;

e) Hệ thống thu hồi, tiếp địa không đạt các yêu cầu theo quy định;

g) Không có biện pháp che chắn bảo vệ giữa các bộ phận, công đoạn nguy hiểm của dây chuyền sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

h) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng của thiết bị sản xuất, thiết bị phụ trợ, các hệ thống điện nhưng vẫn tiến hành sản xuất;

i) Cắt bỏ hoặc làm hư hỏng các thiết bị,

cơ cấu an toàn trang bị kèm theo thiết bị sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

k) Để người lao động vi phạm các quy định an toàn về phòng cháy, phòng nổ tại khu vực sản xuất.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp không nằm trong danh mục vật liệu nổ công nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu nổ công nghiệp kém phẩm chất hoặc nguyên liệu không rõ nguồn gốc;

c) Không thực hiện kiểm tra chất lượng nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất;

d) Thay đổi thành phần, chủng loại nguyên liệu hoặc sản xuất không đúng loại sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp đã đăng ký và được phép đưa vào sản xuất, sử dụng;

đ) Nghiệm thu, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp không đúng quy định hoặc cố tình làm sai lệch kết quả nghiệm thu, thử nghiệm;

e) Không thực hiện hoặc không duy trì thường xuyên việc kiểm tra chất lượng sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá

nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức nghiên cứu, chế thử vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, giao nhiệm vụ;

b) Sửa chữa, thay đổi kết cấu, cấu trúc bộ phận xây dựng nhà xưởng vi phạm các yêu cầu về che chắn bảo vệ bên trong nhà xưởng hoặc vi phạm các yêu cầu về lối thoát nạn, khả năng chịu lực, chịu lửa của công trình, vi phạm các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường lao động;

c) Thay đổi mặt bằng bố trí các công trình sản xuất, kho chứa và bãi thử nổ vi phạm các điều kiện về khoảng cách an toàn trong nội bộ khu vực sản xuất;

d) Mở rộng mặt bằng khu vực sản xuất vi phạm các điều kiện về khoảng cách an toàn đối với công trình và khu dân cư lân cận;

đ) Không có ụ che chắn bảo vệ bên ngoài hoặc kết cấu ụ che chắn bảo vệ bên ngoài không đạt yêu cầu khi chưa đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định;

e) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng về nhà xưởng sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp làm ảnh hưởng đến các điều kiện an toàn trong sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi

quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều này.

6. Áp dụng các biện pháp khác:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1; điểm i khoản 2; điểm b, c, d khoản 4 Điều này;

b) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm e, g khoản 2; điểm đ khoản 4 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi không bố trí buồng riêng hoặc không trang bị phương tiện cấp phát vật liệu nổ công nghiệp tại kho tiêu thụ.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng chế độ thống kê báo cáo, thủ tục xuất nhập kho vật liệu nổ công nghiệp;

b) Không thực hiện chế độ kiểm tra sổ sách thống kê, báo cáo xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp;

c) Không thiết lập các biển báo, ký hiệu cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực bảo

quản vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

d) Cho tổ chức, cá nhân khác gửi vật liệu nổ công nghiệp hoặc thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp nhưng không có hợp đồng hoặc văn bản hợp lệ.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp vượt quá quy mô bảo quản của kho theo quy định;

b) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thuộc các nhóm khác nhau trong cùng một không gian kho khi chưa có đủ các điều kiện an toàn theo quy định;

c) Không thực hiện đúng quy trình sắp xếp, đảo chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong kho chứa theo quy định;

d) Không thực hiện công tác niêm phong, khóa cửa kho theo quy định.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tập kết, xếp dỡ hoặc bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại kho chưa được cơ quan nhà nước có

thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế hoặc chưa tổ chức nghiệm thu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

c) Trang bị thiếu hoặc không sửa chữa kịp thời hệ thống thông tin liên lạc theo quy định;

d) Không xây dựng hoặc không sửa chữa kịp thời hàng rào kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không duy trì, sửa chữa kịp thời các trạm canh gác, bảo vệ kho;

e) Không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của hệ thống cung cấp điện, hệ thống chiếu sáng;

g) Không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của kết cấu kho, ụ che chắn bảo vệ;

h) Không sửa chữa hoặc không thực hiện chế độ kiểm tra, đo kiểm định kỳ hệ thống thu lôi tiếp địa chống sét;

i) Không thực hiện công tác xử lý vật liệu nổ công nghiệp quá hạn, vật liệu nổ công nghiệp mất phẩm chất.

k) Dự trữ hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia không đúng loại kho, địa điểm theo quy định;

l) Để hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia bị hư hỏng vượt quá định mức mà không có lý do chính đáng;

m) Vi phạm chế độ bảo mật về dự trữ quốc gia.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân

có hành vi mở rộng, cải tạo khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp vi phạm các yêu cầu về khoảng cách an toàn, vi phạm các yêu cầu an toàn về phòng cháy, phòng nổ, phòng chống lụt bão, lối thoát nạn.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Mở rộng mặt bằng khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp vi phạm các quy định về khoảng cách an toàn cho công trình, khu vực dân cư lân cận;

b) Không xây dựng ụ bảo vệ che chắn hoặc ụ bảo vệ che chắn không đạt quy cách khi chưa đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi để mất vật liệu nổ công nghiệp tại kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

8. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

9. Áp dụng các biện pháp khác:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 5, 6 Điều này;

b) Buộc di chuyển hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ đến kho, địa điểm

theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm k khoản 4 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong những hành vi:

a) Có sự thay đổi điều kiện an toàn của phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp nhưng không kịp thời khai báo theo quy định;

b) Không có biển báo xác định giới hạn khu vực bốc dỡ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Không có biển báo, ký hiệu vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

b) Làm hư hỏng, rách nát giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

c) Không bóc gỡ các loại biển báo, ký hiệu vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp gắn trên phương tiện vận chuyển khi vật liệu nổ công nghiệp đã được bốc xếp khỏi phương tiện vận chuyển;

d) Trả giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp nhưng không thể hiện đầy đủ nội dung khai báo, xác nhận theo quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến

3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Không có hoặc thiếu nhân viên áp tải theo quy định;

b) Nhân viên áp tải và người điều khiển phương tiện chưa đủ điều kiện theo quy định;

c) Điều khiển phương tiện vận tải chạy quá tốc độ quy định trong giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cùng với các loại hàng hóa không được phép vận chuyển theo quy định;

b) Chở người không có nhiệm vụ trên phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

c) Không tổ chức bảo vệ canh gác khi tiến hành bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Vận chuyển khối lượng vật liệu nổ công nghiệp vượt quá mức quy định trong giấy phép;

b) Vận chuyển không đúng chủng loại vật liệu nổ công nghiệp quy định trong giấy phép vận chuyển;

c) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thuộc các nhóm không được phép cùng

vận chuyển theo quy định trên một phương tiện vận chuyển;

d) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trên các phương tiện chưa đủ điều kiện theo quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép vận chuyển;

b) Dùng đồ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở những nơi không được phép theo quy định;

c) Bốc xếp, chuyển hàng đang trên đường vận chuyển sang phương tiện khác khi chưa được sự cho phép của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

d) Bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm không bảo đảm các điều kiện theo quy định.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân làm mất vật liệu nổ công nghiệp.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu phân tang vật vi phạm vượt quá khối lượng cho phép vận chuyển đối với các hành vi vi phạm quy định tại

điểm a khoản 5; tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5, khoản 8 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép điều khiển phương tiện có thời hạn đến 01 năm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều này.

10. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4; c, d khoản 5.

Điều 12. Vi phạm quy định về kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức có giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi chưa ký kết hợp đồng hoặc chưa điều chỉnh hợp đồng theo quy định;

b) Từ chối mua lại vật liệu nổ công nghiệp sử dụng không hết của bên mua mà không có lý do chính đáng theo quy định;

c) Có giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp nhưng không ký kết hợp đồng khi mua vật liệu nổ công nghiệp;

d) Không bán lại vật liệu nổ công nghiệp sử dụng không hết cho tổ chức

kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hợp pháp;

đ) Ký kết hợp đồng hoặc bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã hết hạn hoặc phải cấp đổi lại giấy phép theo quy định nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày giấy phép sử dụng hết hạn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Bán vật liệu nổ công nghiệp không nằm trong danh mục được phép sử dụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hàng năm;

b) Xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia không đúng chủng loại, khối lượng, quy cách và chất lượng theo quy định trong kế hoạch dự trữ quốc gia.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng đơn vị trực thuộc không có tên trong giấy phép kinh doanh để kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp;

b) Ký kết hợp đồng hoặc bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

c) Mua vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, cá nhân không được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

d) Cho vay, cho mượn vật liệu nổ công nghiệp.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của thiết bị sản xuất, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp quy định trong giấy phép;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng vật liệu nổ công nghiệp quy định trong hợp đồng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xuất, nhập khẩu.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi tư vấn sai, cung cấp thông tin sai trong các hoạt động tư vấn lập dự án sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, lập phương án thiết kế nổ mìn nhưng chưa tới mức gây hậu quả nghiêm trọng.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xuất, nhập khẩu;

b) Ký kết hợp đồng hoặc bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1; điểm a khoản 2; điểm b, c, d khoản 3; điểm b khoản 6 Điều này.

8. Áp dụng các biện pháp khác: buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất tang vật do hành vi vi phạm về nhập khẩu nêu tại khoản 4; điểm a khoản 6 Điều này theo quy định tại Điều 20 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 13. Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi không lập thiết kế nổ mìn, lập thiết kế nổ mìn có nội dung không đầy đủ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không có thiết kế nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn chưa được phê duyệt đối với công tác nổ mìn có yêu cầu cần phê duyệt thiết kế nổ mìn theo quy định;

b) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không nằm trong danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng;

c) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp quá hạn nhưng không thực hiện các quy định về kiểm tra bổ sung chất lượng vật liệu nổ công nghiệp hết hạn sử dụng;

d) Không tổ chức kiểm tra, lập biên bản kết quả khoan, nạp mìn trước khi khởi nổ;

đ) Không tổ chức kiểm tra, lập biên bản khi kết thúc nổ mìn.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định trước khi sử dụng;

b) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp kém phẩm chất;

c) Không thực hiện đúng quy định về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn;

d) Không quy định giới hạn vùng nguy hiểm trước khi tiến hành nổ mìn;

đ) Không lập trạm gác bảo vệ hoặc không có ký hiệu, biển báo nguy hiểm tại ranh giới vùng nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Mở rộng trái phép khu vực sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vi phạm khoảng cách an toàn cho công trình, khu vực dân cư lân cận;

b) Không thực hiện đúng trình tự tín hiệu báo lệnh và báo yên khi nổ mìn;

c) Không thực hiện đúng các yêu cầu an toàn quy định trong thiết kế nổ mìn;

d) Không thực hiện đúng trình tự, biện pháp tiêu hủy mìn đã đưa ra sử dụng nhưng không nổ hoặc nổ không hoàn toàn theo quy định.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi:

a) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình đường ống vận chuyển dầu khí; vi phạm các khu di tích lịch sử văn hóa hoặc các công trình quốc gia quan trọng khác;

b) Thay đổi chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp hoặc phương pháp điều khiển nổ quy định trong thiết kế nổ mìn đã được người có trách nhiệm ký duyệt;

c) Thay đổi thời điểm nổ mìn đã thỏa thuận theo quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc nổ mìn để bắt xén, lấy cắp vật liệu nổ công nghiệp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này; tước quyền sử dụng giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về điều kiện của người làm công việc có liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng cán bộ lãnh đạo công tác kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định hiện hành;

b) Sử dụng người lao động không có chuyên môn phù hợp theo quy định;

c) Sử dụng người lao động chưa được huấn luyện, đào tạo về quy trình kỹ thuật an toàn trong sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và kỹ thuật an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định;

d) Không tổ chức huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại theo quy định đối với các

đối tượng có liên quan trực tiếp đến công tác tiếp nhận, sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 15. Vi phạm quy định về vành đai an toàn khu vực có hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý ra vào, tụ họp trong phạm vi vùng nguy hiểm hoặc vành đai an toàn;

b) Chặn thả súc vật hoặc trồng hoa màu trong phạm vi vành đai an toàn.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có các hành vi đốt lửa hoặc thải chất cháy, rác, chất ăn mòn, chất độc vào khu vực vành đai an toàn.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xô dịch cột mốc vành đai an toàn hoặc tự ý di chuyển các loại biển báo ký hiệu vùng nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không có khoảng cách ngăn cháy hoặc không dọn, phát quang cây dễ cháy trong khu vực vành đai an toàn;

b) Phá hoại hoặc làm hư hỏng hàng

rào bảo vệ, ụ che chắn an toàn khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm đất xây dựng công trình trong phạm vi vành đai an toàn.

6. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi quy định tại điểm b khoản 1; điểm b khoản 4 Điều này.

7. Áp dụng các biện pháp khác buộc tháo dỡ công trình xây dựng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này

Điều 16. Vi phạm quy định về công tác bảo vệ khu vực có hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý cho người không có nhiệm vụ ra vào trong khu vực hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

b) Không thực hiện chế độ giao nhận khi bàn giao ca trực;

c) Bỏ trực hoặc không thực hiện chế độ canh gác, tuần tra trong ca trực;

d) Không báo cáo kịp thời các tình huống bất thường trong ca trực.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không xây dựng nội quy, chế độ bảo vệ canh gác khu vực hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

b) Không thực hiện công tác kiểm tra việc canh gác, bảo vệ khu vực hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không biên chế đủ lực lượng bảo vệ canh gác theo quy định;

b) Xây dựng, trang bị thiếu hoặc không đúng, không đủ theo quy định các loại phương tiện, công trình bảo vệ canh gác khu vực hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 17. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp thuộc phạm vi quản lý xảy ra tại địa phương, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền xử phạt đối với các

hành vi quy định tại Khoản 1 Điều 13; khoản 1, 2 Điều 15; Khoản 1 Điều 16 gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp gây ra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp;

d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp gây ra;

đ) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép hoặc sai phép vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp;
- đ) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp gây ra;
- e) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép hoặc sai phép vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp;
- g) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra;
- h) Buộc di chuyển vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định;
- i) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành công nghiệp

Thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Công nghiệp có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trong phạm vi cả nước. Thanh tra chuyên

ngành thuộc Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong địa phương thuộc phạm vi quản lý.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp của thanh tra chuyên ngành được quy định cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên chuyên ngành thuộc Bộ Công nghiệp, Sở Công nghiệp có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp gây ra;
- đ) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra.

2. Chánh Thanh tra Sở Công nghiệp có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

đ) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm gây ra;

e) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép hoặc sai phép vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp;

g) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chánh Thanh tra Bộ Công nghiệp có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Công nghiệp và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

đ) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm gây ra;

e) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép hoặc sai phép vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp;

g) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do hành vi vi phạm gây ra;

h) Buộc di chuyển vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định;

i) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam

hoặc buộc tái xuất theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác

Ngoài những người quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định này, những người có thẩm quyền thuộc các lực lượng công an, hải quan, quân đội khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp quy định trong Nghị định này thuộc thẩm quyền và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt theo quy định tại các Điều 31, 32, 33, 34 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Ủy quyền và nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp được áp dụng theo quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp được áp dụng theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 21. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo các quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Các tài liệu liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp phải lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt. Biên bản vi phạm hành chính được lập theo mẫu quy định của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

3. Trong trường hợp việc xử lý vi phạm cần có ý kiến đánh giá của cơ quan chuyên môn về vật liệu nổ công nghiệp, người có thẩm quyền xử phạt phải gửi hồ sơ, chứng cứ vi phạm và văn bản yêu cầu đánh giá cho cơ quan quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp hoặc Sở Công nghiệp. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ, cơ quan được yêu cầu phải có ý kiến đánh giá, kết luận bằng văn bản gửi người có thẩm quyền xử phạt vi phạm.

4. Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền phải nộp tiền phạt đúng thời hạn và tại nơi ghi trong quyết định xử phạt trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ theo quy

định tại Điều 54 và Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và được nhận biên lai thu tiền phạt. Việc thu và sử dụng tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Tài chính hướng dẫn theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng các quy định tại Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 32 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 22. Chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp theo Nghị định này phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử

phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của pháp luật.

2. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp, cơ quan và người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của pháp luật.

Chương IV

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, khởi kiện về việc xử phạt đối với họ theo quy định của pháp luật.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản

lý vật liệu nổ công nghiệp của cá nhân, tổ chức và tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

3. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (sửa đổi) ngày 05 tháng 01 năm 1999.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt và người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp mà có hành vi sách nhiễu hoặc bao che cho người có hành vi vi phạm; không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định; chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền, tang vật, phương tiện có liên quan đến vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp có hành vi chống lại người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh

việc chấp hành quyết định xử phạt hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo những văn bản quy phạm pháp luật tương ứng về xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải